

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 06-6-2025  
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Phương.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Hoàng Đắc Hân.

Ông Doãn Văn Sáng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 285/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1969; đăng ký thường trú: phường T, thành phố T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1962; thường trú: phường T, thành phố T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng NPVN; địa chỉ: phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

**Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Mai Duy Tùng, Chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh Thủy Nguyên – Bắc Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Lê Thị T):*

Bà Lê Thị T với ông Nguyễn Đức Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục năm 1987 và sinh con đầu lòng năm 1988. Đến khi đi làm giấy khai sinh cho con thì chính quyền yêu cầu làm đăng ký kết hôn nên bà Thế và ông Thắng đã đăng ký kết hôn ngày 01/4/1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, bà Thế và ông Thắng đã đến Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn tự khai các thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi ở, nghề nghiệp trước mặt cán bộ Ủy ban nhân dân xã để ghi vào giấy chứng nhận kết hôn. Ủy ban nhân dân xã ký, đóng dấu và giao lại cho bà Thế và ông Thắng. Ông Thắng vẫn giữ bản chính giấy chứng nhận kết hôn. Ngày 04/4/1992 mới làm được giấy khai sinh cho con gái đầu lòng là Nguyễn Thu H.

Từ năm 2015, ông Thắng ngày càng thể hiện ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi bới, đe dọa, đánh đập khiến bà Thế lo sợ. Năm 2022, bà Thế và con trai út đã phải đi thuê nhà chỗ khác để sinh sống. Vợ chồng cũng đã ly thân từ lâu, bà Thế không còn tình cảm với ông Thắng và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Thắng.

Bà Thế và ông Thắng có 03 con chung là: Nguyễn Thu H, sinh ngày 18/4/1988; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26/12/1992; Nguyễn Đức T1, sinh ngày 06/10/1999. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động tự lo cho bản thân nên bà Thế không đề nghị Tòa án giải quyết về giao con cho người trực tiếp nuôi khi ly hôn.

Bà Thế và ông Thắng có chung tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 910C, tờ bản đồ số 03, diện tích 281 m<sup>2</sup> tại Xóm 8, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên (nay là Tổ dân phố 6, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên), thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là của bố mẹ ông Thắng. Năm 1992, bố mẹ ông Thắng chia tách thửa đất này cho các con. Sau đó ông Thắng và bà Thế làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 183147, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01628 ngày 09/12/2009 cho người sử dụng là ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị T. Tài sản trên đất là nhà ở chính, nhà ở phụ, các công trình phụ, cây cối. Các tài sản trên đất là do công sức của bà Thế và ông Thắng đóng góp, xây dựng, chăm sóc mà có. Diện tích đất đo thực tế hiện tại là 276,3 m<sup>2</sup> nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi 281 m<sup>2</sup>. Có sự khác nhau là do trước đây Nhà nước đo thủ công, đơn giản bằng thước nên diện tích không chính xác. Bà Thế và ông Thắng đã sử dụng đất ổn định cho đến nay không có tranh chấp về diện tích đất

với các hộ giáp ranh. Bà Thế xác nhận diện tích thửa đất là 276,3 m<sup>2</sup> là chính xác.

Hiện nay bà Thế đang không có chỗ ở và phải đi thuê nhà trọ. Khi ly hôn, bà Thế đề nghị Toà án chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất mà bà Thế và ông Thắng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì nguồn gốc đất là của bố mẹ ông Thắng nên bà đề nghị tính công sức đóng góp của ông Thắng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung cao hơn công sức đóng góp của bà Thế. Bà Thế đề nghị chia cho bà Thế được nhận phần tài sản là nhà phụ có vị trí hướng tây của nhà chính làm chỗ sinh sống; chia cho ông Thắng phần tài sản có nhà chính và diện tích đất lớn hơn.

Tại đơn khởi kiện, bà Thế có yêu cầu Toà án giải quyết việc chia nghĩa vụ trả nợ của bà Thế và ông Thắng đối với Ngân hàng NPVN theo hợp đồng tín dụng số 2105-LAV-202200016 ngày 05/01/2022. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Thế xin rút yêu cầu khởi kiện về nội dung này vì bà và ông Thắng vẫn đang thực hiện nghĩa vụ trả nợ bình thường.

Bà Thế đã nộp đầy đủ chi phí tố tụng để thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Thế nhận nộp và không yêu cầu xem xét nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng đối với ông Thắng.

*Ý kiến và đề nghị của bị đơn (ông Nguyễn Đức Th)*

Ông Thắng có chung sống với bà Thế từ năm 1988 và có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Giữa ông Thắng và bà Thế phát sinh mâu thuẫn là do bà Thế ngoại tình với người đàn ông khác. Ông Thắng và bà Thế đã ly thân từ tháng 2 năm 2023 và không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông Thắng không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Thế vì thực tế ông Thắng không kết hôn với bà Thế.

Ông Thắng và bà Thế có 03 con chung. Các con đã trưởng thành nên ông Thắng không yêu cầu giải quyết về con chung.

Ông Thắng và bà Thế có tài sản chung là nhà và các công trình xây dựng trên thửa đất thổ cư tại tổ dân phố 6, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Còn diện tích đất thổ cư không phải là tài sản chung mà là tài sản riêng của ông Thắng. Bà Thế yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thì ông Thắng không chấp nhận.

Ông Thắng và bà Thế còn nợ Ngân hàng NPVN số tiền nợ gốc và lãi tạm tính là 50.000.000 đồng. Ông Thắng và bà Thế sẽ có trách nhiệm trả tiền nợ cho ngân hàng nên ông Thắng đề nghị không xác định Ngân hàng NPVN không có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

*Ý kiến và đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng NPVN):* Ông Thắng và bà Thế là khách hàng vay tiền của ngân hàng. Cho đến nay, ông Thắng và bà Thế vẫn trả gốc và lãi đúng hạn; hợp đồng tín dụng giữa hai bên vẫn có hiệu lực các bên chưa vi phạm trong việc thực hiện hợp đồng. Đây là nghĩa vụ trả nợ chung của ông Thắng và bà Thế theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng không đồng ý chia nghĩa vụ trả nợ của ông Thắng, bà Thế theo từng phần.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên (trước là Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên), thành phố Hải Phòng ngày 24/3/2025, kết quả: Đăng ký kết hôn số 27 ngày 01/4/1992 của Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng chứng nhận kết hôn cho bà Lê Thị T, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Văn Thắng, sinh ngày 05/6/1964, địa chỉ Đội 8, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Tại căn cước công dân và các văn bản hộ tịch khác có ghi ông Thắng, ghi bà Thế là: Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/9/1962; Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1963; Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1961; Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1964; Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1962; Lê Thị T, sinh năm 1968; Lê Thị T, sinh năm 1969. Lý do có sự khác nhau về họ tên, năm sinh của ông Thắng, năm sinh của bà Thế tại các giấy tờ nêu trên là do trong quá trình làm thủ tục tại Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, bà Thế và ông Thắng đã tự khai thông tin và được Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn ghi vào văn bản. Tuy thông tin khác nhau về họ tên và năm sinh nhưng đều là một người. Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn có thiếu sót không ghi đăng ký kết hôn của bà Thế và ông Thắng vào sổ đăng ký kết hôn.

*Kết quả thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

- Thừa đất số 910C, tờ bản đồ số 03, tại Xóm 8, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên (nay là Tổ dân phố 6, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên), thành phố Hải Phòng ghi diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 281 m<sup>2</sup>; diện tích đo thực tế 276,3 m<sup>2</sup>;

Giá đất ở nhà nước quy định: 1.010.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Giá đất ở giao dịch trên thị trường: 20.000.000 đồng/m<sup>2</sup> (Giá trị định giá thửa đất: 20.000.000 đồng/m<sup>2</sup> x 276,3 m<sup>2</sup> = 5.526.000.000 đồng).

Các tài sản trên đất có:

01 nhà ở 1 tầng đổ mái bằng, nền gạch men, cửa pa nô gỗ, trị giá 128.000.000 đồng.

01 bể nước mái bằng, trị giá 6.240.000 đồng.  
01 khu công trình phụ phía sau bể nước, trị giá 1.750.000 đồng.  
01 nền xi măng cạnh bể nước, trị giá 1.820.000 đồng.  
01 lán tôn mạ màu phía trên bể nước, trị giá 2.600.000 đồng.  
01 nền xi măng phía nhà chính, trị giá 3.000.000 đồng.  
01 gian nhà 1 tầng lợp mái tôn mạ màu, cửa sắt xếp, trị giá 36.000.000 đồng.  
01 gian nhà xây gạch ba banh, không trát đã xuống cấp: không còn giá trị sử dụng.  
37 cây cau to, trị giá 1.120.000 đồng x 37 = 41.440.000 đồng.  
4 cây cau nhỏ, trị giá 249.000 đồng x 4 = 996.000 đồng.  
3 cây nhãn, trị giá 585.000 đồng x 3 = 1.755.000 đồng.  
1 cây mít, trị giá 1.493.000 đồng.  
1 cây vú sữa, trị giá 933.000 đồng.  
02 cây đào tiên, trị giá 435.000 đồng x 2 = 870.000 đồng.  
02 cây bưởi, trị giá 398.000 đồng x 2 = 796.000 đồng.  
01 cây sung, trị giá 373.000 đồng.  
03 cây vải, trị giá 585.000 đồng x 3 = 1.755.000 đồng.  
01 cây chanh, trị giá 124.000 đồng.  
01 cây xoài, trị giá 498.000 đồng.  
01 bụi tre trúc, trị giá 500.000 đồng.  
Giá trị định giá các tài sản trên đất: 230.943.000 đồng.  
Tổng giá trị tài sản được định giá là: 5.526.000.000 đồng + 230.943.000 đồng = 5.756.943.000 đồng.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị T về việc chia nghĩa vụ trả nợ của bà Thế và ông Thắng đối với Ngân hàng NPVN; cho bà Lê Thị T ly hôn ông Nguyễn Đức Th; chia tài sản cho bà Thế và ông Thắng bằng hiện vật; bà Thế phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí sơ thẩm chia tài sản, miễn nộp án phí sơ thẩm chia tài sản đối với ông Thắng vì là người cao tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Bà Lê Thị T xin ly hôn với ông Nguyễn Đức Th là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Thắng là bị đơn, cư trú tại thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

nên Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc bị đơn đơn vắng mặt tại phiên toà

Ông Nguyễn Đức Th được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc bà Thế rút một phần yêu cầu khởi kiện

Xét bà Thế tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nội dung chia nghĩa vụ trả nợ của bà Thế và ông Thắng đối với Ngân hàng NPVN. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bà Thế đã rút.

[4] Về đăng ký kết hôn giữa ông Thắng và bà Thế

Qua lời khai của bà Thế và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, xác định ông Thắng và bà Thế có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn đã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 01/4/1992 cho ông Thắng và bà Thế.

[5] Về nội dung yêu cầu khởi kiện

[5.1] Về yêu cầu ly hôn

Bà Thế kết hôn với ông Thắng trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận kết hôn nên việc kết hôn giữa bà Thế và ông Thắng là hợp pháp. Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, bà Thế và ông Thắng đã sống ly thân từ giữa năm 2023 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng với ông Thắng không còn, bà Thế yêu cầu được ly hôn với ông Thắng. Ông Thắng tuy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thế nhưng lại không thể hiện mong muốn đoàn tụ. Điều này chứng minh hôn nhân giữa bà Thế với ông Thắng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Thế ly hôn với ông Thắng.

[5.2] Về con chung

Các con chung của ông Thắng và bà Thế đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống, ông Thắng và bà Thế không đề nghị về giao con cho người trực tiếp nuôi khi ly hôn nên Tòa án không giải quyết.

### [5.3] Về chia tài sản chung

#### [5.3.1] Xác định tài sản chung của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Đức Th

Thửa đất số 910C, tờ bản đồ số 03, diện tích thực tế 276,3 m<sup>2</sup> (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 281 m<sup>2</sup>), tại Xóm 8, xã Đông Sơn, huyện Thuỷ Nguyên (nay là Tổ dân phố 6, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thuỷ Nguyên), thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là của bố mẹ ông Thắng. Năm 1992, bố mẹ ông Thắng chia tách thửa đất này cho các con. Quá trình sử dụng, ông Thắng và bà Thế đã làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 183147, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01628 ngày 09/12/2009 cho người sử dụng là ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị T.

Ông Thắng không đồng ý chia tài sản với bà Thế vì thửa đất này là của riêng ông nhưng không có tài liệu, chứng cứ khác phù hợp với quan điểm của ông Thắng. Qua việc ông Thắng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên 2 vợ chồng thể hiện ông Thắng xác định thửa đất là tài sản chung của vợ chồng ông Thắng bà Thế.

Ông Thắng và bà Thế sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp về diện tích nên xác định thửa đất có diện tích là 276,3 m<sup>2</sup>. Các tài sản trên đất gồm nhà ở, công trình phụ và cây cối do bà Thế và ông Thắng xây dựng, chăm lo. Do đó, xác định tài sản chung của ông Thắng và bà Thế bao gồm quyền sử đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất trên. Tài sản chung trị giá 5.756.943.000 đồng.

#### [5.3.2] Chia tài sản chung của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Đức Th

Bà Thế và ông Thắng không có thỏa thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, Hội đồng sẽ chia tài sản chung của bà Thế và ông Thắng trị giá 5.756.943.000 đồng.

Xét hoàn cảnh, điều kiện để tiếp tục lao động của bà Thế, ông Thắng là như nhau, nếu không được nhận hiện vật thì bà Thế, ông Thắng đều không có chỗ ở; bà Thế đề nghị xem xét nguồn gốc đất là của bố mẹ ông Thắng để lại nên xác định công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản của ông Thắng nhiều hơn bà Thế; bà Thế cũng tự nguyện nhận phần diện tích đất thấp hơn của ông Thắng với mục đích có nơi ở.

Diện tích của thửa đất có thể chia cho mỗi người một phần mà diện tích của phần đó đáp ứng được diện tích tối thiểu khi tách thửa theo quy định tại Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 26/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Do vậy, chia tài sản chung cho ông Thắng hưởng phần tài sản trị giá cao hơn phần tài sản của bà Thế, cụ thể:

Chia cho bà Thế được hưởng phần tài sản là: 1.882.185.000 đồng.

Chia cho ông Thắng được hưởng phần tài sản là: 3.874.758.000 đồng.

Cụ thể:

- Giao cho bà Thế được quyền sử dụng 92 m<sup>2</sup> của thửa đất 910C, tờ bản đồ số 03, diện tích thực tế 276,3 m<sup>2</sup>, tại Xóm 8, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên (nay là Tổ dân phố 6, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên), thành phố Hải Phòng và tài sản gắn liền với đất (thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 183147, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01628 ngày 09/12/2009 cho người sử dụng là ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị T) và tài sản gắn liền với đất; xác định bởi các mốc giới 7-8-4-5-6-7 (có sơ đồ kèm theo).

Phần tài sản bà Thế được nhận trị giá 1.882.185.000 đồng, gồm:

Quyền sử dụng diện tích đất 92 m<sup>2</sup> trị giá: 92 m<sup>2</sup> x 20.000.000 đồng/đồng/m<sup>2</sup> = 1.840.000.000 đồng.

Tài sản trên đất trị giá 42.185.000 đồng, gồm: 01 gian nhà 1 tầng lợp mái tôn mạ màu, cửa sắt xếp, trị giá 36.000.000 đồng; 05 cây cau to trị giá 5.600.000 đồng; 01 cây nhãn trị giá 585.000 đồng.

- Giao cho ông Thắng được quyền sử dụng 184,3 m<sup>2</sup> của thửa đất 910C, tờ bản đồ số 03, diện tích thực tế 276,3 m<sup>2</sup>, tại Xóm 8, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên (nay là Tổ dân phố 6, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên), thành phố Hải Phòng và tài sản gắn liền với đất (thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 183147, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01628 ngày 09/12/2009 cho người sử dụng là ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị T) và tài sản gắn liền với đất; xác định bởi các mốc giới 1-2-3-4-8-7-1 (có sơ đồ kèm theo).

Phần tài sản ông Thắng được nhận trị giá 3.874.758.000 đồng, gồm:

Quyền sử dụng diện tích đất 184,3 m<sup>2</sup> trị giá: 184,3 m<sup>2</sup> x 20.000.000 đồng/đồng/m<sup>2</sup> = 3.686.000.000 đồng.

Tài sản trên đất trị giá 188.758.000 đồng, gồm: 01 nhà ở 1 tầng đồ mái bằng, nền gạch men, cửa pa nô gỗ trị giá 128.000.000 đồng; 01 bể nước mái bằng trị giá 6.240.000 đồng; 01 khu công trình phụ phía sau bể nước trị giá 1.750.000 đồng; 01 nền xi măng cạnh bể nước trị giá 1.820.000 đồng; 01 lán tôn mạ màu phía trên bể nước trị giá 2.600.000 đồng; 01 nền xi măng phía nhà chính trị giá 3.000.000 đồng; 32 cây cau to trị giá 35.840.000 đồng; 4 cây cau nhỏ trị

giá 996.000 đồng; 2 cây nhãn trị giá 1.170.000 đồng; 1 cây mít trị giá 1.493.000 đồng; 1 cây vú sữa trị giá 933.000 đồng; 02 cây đào tiên trị giá 870.000 đồng; 02 cây bưởi trị giá 796.000 đồng; 01 cây sung trị giá 373.000 đồng; 03 cây vải trị giá 1.755.000 đồng; 01 cây chanh trị giá 124.000 đồng; 01 cây xoài trị giá 498.000 đồng; 01 bụi tre trúc, trị giá 500.000 đồng.

Phần công trình xây dựng là nhà ở, công trình phụ, bể nước, sân gạch, mái tôn và một số cây trồng trên diện tích đất không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng thì bà Thế, ông Thắng phải chấp hành quy định, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong công tác quản lý đất đai.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

Bà Thế là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp án phí li hôn sơ thẩm và án phí sơ thẩm chia tài theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Thắng được chia tài sản nhưng là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí sơ thẩm chia tài sản theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị T về việc chia nghĩa vụ trả nợ của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Đức Th đối với Ngân hàng NPVN theo hợp đồng tín dụng số 2105-LAV-202200016 ngày 05/01/2022.

- Cho bà Lê Thị T ly hôn với ông Nguyễn Đức Th.

- Chia cho bà Lê Thị T được hưởng phần tài sản trị giá là: 1.882.185.000 đồng.

Chia cho ông Nguyễn Đức Th được hưởng phần tài sản trị giá là: 3.874.758.000 đồng.

Cụ thể:

- Giao cho bà Lê Thị T được quyền sử dụng 92 m<sup>2</sup> của thửa đất 910C, tờ

bản đồ số 03, diện tích thực tế 276,3 m<sup>2</sup>, tại Xóm 8, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên (nay là Tổ dân phố 6, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên), thành phố Hải Phòng và tài sản gắn liền với đất (thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 183147, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01628 ngày 09/12/2009 cho người sử dụng là ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị T) và tài sản gắn liền với đất; xác định bởi các mốc giới 7-8-4-5-6-7 (theo Sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).

- Giao cho ông Nguyễn Đức Th được quyền sử dụng 184,3 m<sup>2</sup> của thửa đất 910C, tờ bản đồ số 03, diện tích thực tế 276,3 m<sup>2</sup>, tại Xóm 8, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên (nay là Tổ dân phố 6, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên), thành phố Hải Phòng và tài sản gắn liền với đất (thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 183147, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01628 ngày 09/12/2009 cho người sử dụng là ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị T) và tài sản gắn liền với đất; xác định bởi các mốc giới 1-2-3-4-8-7-1 (theo Sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).

Có một phần các công trình xây dựng là nhà ở, công trình phụ, bể nước, sân gạch, mái tôn và một số cây trồng trên diện tích đất không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thì bà Lê Thị T, ông Nguyễn Đức Th phải chấp hành quy định, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong công tác quản lý đất đai.

- Miễn nộp án phí sơ thẩm chia tài sản đối với ông Nguyễn Đức Th.

Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 64.465.550 đồng án phí sơ thẩm chia tài sản, tổng cộng bà Lê Thị T phải nộp 64.765.550 đồng. Trừ đi số tiền tạm ứng án phí 7.300.000 đồng đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0010103 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên), bà Lê Thị T còn phải nộp 57.465.550 đồng.

- Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thủy Nguyên;
- UBND phường Trần Hưng Đạo (GCNKH số 27 ngày 01/4/1992 của UBND xã Đông Sơn);
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Phương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đắc Hân**

**Doãn Văn Sáng**

**Nguyễn Quốc Phương**

